

Bản án số: 23/2023/DS-PT

Ngày: 11-01-2023

“Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Thùy Trang;

2. Ông Hà Chí Quốc.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2022/TLPT- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 134/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 449/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: tổ 4, ấp PH, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn:

+ Chị **Đỗ Thị Mai Th**, sinh năm 1985; có mặt;

+ Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1980; có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ thường trú: Tổ 1, ấp PL, xã PV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: Bị đơn chị **Đỗ Thị Mai Th**, anh **Lê Văn T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-8-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Ngày 10-7-2019 AL chị có cho vợ chồng chị Th, anh T mượn số tiền 50.000.000 đồng, ngày 21-5-2020 AL chị cho vợ chồng chị Th, anh T mượn 50.000.000 đồng, ngày 09-8-2020 AL chị cho vợ chồng chị Th, anh T mượn 30.000.000 đồng, ngày 12-12-2020 AL chị cho vợ chồng chị Th, anh T mượn 50.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền, hai bên không ghi thời gian trả tiền, không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận bằng miệng 02 tuần sẽ trả và lãi suất là 3%/tháng. Chị Th có ghi giấy mượn tiền cho chị có chữ ký và ghi rõ họ tên chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T.

Từ khi mượn tiền năm 2019 cho đến nay thì chị Th, anh T chỉ trả cho chị được 04 tháng tiền lãi, mỗi tháng 5.400.000 đồng, trong giai đoạn từ sau ngày 12/12/2020 AL cho đến nay, có tháng đóng lãi có tháng không đóng nhưng tổng cộng chỉ có 04 tháng với số tiền 21.600.000 đồng.

Chị H khởi kiện yêu cầu chị Th và anh T trả số tiền gốc đã mượn là 180.000.000 đồng, tiền lãi 1,66% từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, trên tổng số tiền gốc của mỗi khoảng vay và trừ số tiền lãi chị đã nhận.

Bị đơn chị Đỗ Thị Mai Th trình bày: Chị và anh T chồng chị có mượn của chị phạm Thị H số tiền 180.000.000 đồng nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 10/7/2019 AL vợ chồng chị có mượn của chị H số tiền 50.000.000 đồng, ngày 21/5/2020 AL vợ chồng chị mượn của chị H số tiền 50.000.000 đồng, ngày 09/8/2020 AL vợ chồng chị mượn của chị H số tiền 30.000.000 đồng và ngày 12/12/2020 AL vợ chồng chị có mượn của chị H số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 15/03/2022 vợ chồng chị có cùng chị H làm giấy chốt nợ thừa nhận có mượn của chị H số tiền 180.000.000 đồng. Trong 04 lần vay này thì vợ chồng chị có ký tên và ghi rõ họ tên của chị Đỗ Thị Mai Th và chồng chị Lê Văn T. Phần nội dung ngày tháng năm mượn tiền và số tiền phía trên giấy mượn tiền là do chị Th viết. Trong tờ giấy này không có ghi lãi suất nhưng giữa vợ chồng chị và chị H có thỏa thuận lãi suất miệng là 03%/tháng từ khi vay năm 2019 cho đến nay, nhưng chị không có chứng cứ chứng việc trả lãi.

Đến tháng 03/2022 thì vợ chồng chị không còn khả năng trả nợ nên mới xin lãi chị H, từ đó đến nay không đóng lãi cho chị H nữa. Trước đây vợ chồng chị mượn chị H 200.000.000 đồng chứ không phải 180.000.000 đồng. Vợ chồng chị đóng lãi mỗi tháng 6.000.000 đồng cho chị H đến tết âm lịch năm 2021 (tháng 12/2021) vợ chồng chị có trả cho chị H được 20.000.000 đồng nên chỉ còn nợ chị H 180.000.000 đồng. Vợ chồng chị tiếp tục đóng lãi cho chị H 03 tháng từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2022 với số tiền 5.400.000 đồng, từ tháng 03/2022 thì ngưng cho đến nay không đóng nữa.

Nay tại Tòa chị H trình bày chị và anh T chỉ trả được cho chị H 04 tháng tiền lãi cộng dồn, mỗi tháng 5.400.000 đồng, tổng cộng có khoảng 21.600.000 đồng là không đúng. Cụ thể chị đã đóng được tiền lãi như sau: Ngày 10/7/2019 AL chị vay 50.000.000 đồng, chị đóng lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng đến ngày 21/5/2020 AL là 09 tháng x 1.500.000 đồng = 13.500.000 đồng. Ngày 21/5/2020 AL chị tiếp tục vay 50.000.000 đồng, chị đóng lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng, chị đóng đến ngày 09/8/2020 AL được 02 tháng x 3.000.000

đồng = 6.000.000 đồng. Ngày 09/8/2020AL chị tiếp tục vay 30.000.000 đồng, chị đóng lãi mỗi tháng là 3.900.000 đồng, chị đóng đến ngày 12/12/2020AL được 04 tháng x 3.900.000 đồng = 15.600.000 đồng. Ngày 12/12/2020AL chị tiếp tục vay 50.000.000 đồng, chị đóng lãi mỗi tháng là 5.400.000 đồng đến ngày 12/03/2022 AL là 14 tháng x 5.400.000 đồng= 75.600.000 đồng.

Như vậy tổng cộng các vay trên chị đóng cho chị H được 110.700.000 đồng tiền lãi (13.500.000 đồng+ 6.000.000 đồng+ 15.600.000 đồng+ 75.600.000 đồng).

Nay chị đồng ý trả cho chị H gốc 180.000.000 đồng. Chị đồng ý theo yêu cầu của chị H là tính lãi theo quy định của pháp luật 1,66%/tháng từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền lãi mà chị đã đóng là 110.700.000 đồng. Số tiền còn lại bao nhiêu chị sẽ trả cho chị H. Nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên chị chỉ đồng ý trả dần cho chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày: anh thống nhất theo lời trình bày của chị Th vợ anh, anh không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 30-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H đối với chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị H số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và 60.320.000 đồng (Sáu mươi triệu ba trăm hai mươi đồng) tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 240.320.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11-10-2020, chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T kháng cáo; với nội dung: chị Th, anh T không đồng ý trả số tiền 240.320.000 đồng cho chị H, chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 151.220.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Th và anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đỗ Thị Mai Th anh Lê Văn T, thấy rằng:

[2.1] Tại phiên tòa, chị Th, anh T xác nhận có vay tiền của chị H nhiều lần với tổng số tiền 180.000.000 đồng. Ngày 10-7-2019 (al) vay 50.000.000 đồng; ngày 21-5-2020 (al) vay 50.000.000 đồng; ngày 09-8-2020 (al) vay 30.000.000 đồng; ngày 12-12-2020 (al) vay 50.000.000 đồng. Thỏa thuận miệng với lãi suất 3%/tháng. Hai bên chốt nợ ngày 15-3-2022 với số tiền anh, chị vay của chị H tổng cộng 180.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm xác định lãi suất là 1.66% từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền gốc vay của từng giai đoạn là phù hợp. Do đó, anh T, chị Th phải trả cho chị H tổng cộng 180.000.000 đồng tiền gốc và 81.920.000 đồng tiền lãi; khấu trừ 21.600.000 đồng chị H thừa nhận anh, chị đã trả. Tổng cộng còn phải trả 240.320.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Chị Th, anh T kháng cáo chỉ đồng ý trả tổng số tiền 151.220.000 đồng tiền vay và lãi suất do đã trả được 110.700.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th, anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có việc đã trả 110.700.000 đồng cho chị H, đồng thời, chị H chỉ thừa nhận anh chị đã trả được số tiền 21.600.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Th, anh T.

[3] Từ những phân tích trên, nên không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị Mai Th; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, chị Th nên anh T, chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị Mai Th.
3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 134/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh.
4. Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H đối với chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

6. Buộc chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị H số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và 60.320.000 đồng (Sáu mươi triệu ba trăm hai mươi đồng) tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 240.320.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

7. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Chị Phạm Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0017655 ngày 16-8-2022.

8.2. Chị Đỗ Thị Mai Th, anh Lê Văn T phải chịu 12.016.000 đồng (mười hai triệu không trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về án phí phúc thẩm: chị Đỗ Thị Mai Th và anh Lê Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0017797 ngày 11-10-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh T, chị Th đã nộp xong.

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

12. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện CT;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Tuấn